

Số: 545/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên chính quy trình độ đại học Trường Đại học Thương mại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế tài chính Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-ĐHTM ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định thu chi nội bộ trong Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên chính quy trình độ đại học Trường Đại học Thương mại", bao gồm 05 chương, 15 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2021. Các quy định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị thuộc Trường; các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CTHĐT, BGH (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Trường (để thực hiện)
- Lưu VT, P.CTSV

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI
PGS, TS Nguyễn Hoàng

QUY ĐỊNH

Về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên chính
quy trình độ đại học Trường Đại học Thương mại
(Kèm theo Quyết định số 545/QĐ-ĐHTM ngày 13/11/2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập; mức miễn giảm học phí, mức hỗ trợ chi phí học tập, mức hỗ trợ học tập; hồ sơ, cơ chế và quy trình thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên.

2. Quy định này áp dụng cho sinh viên chính quy học chương trình đào tạo thứ nhất trình độ đại học đang học tập tại Trường Đại học Thương mại (sau đây gọi là Trường); không bao gồm sinh viên các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và các chương trình đào tạo do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Mục đích

Quy định này nhằm mục đích cụ thể hóa các chính sách về việc miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Trường được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; Thông tư liên tịch 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC TẬP

Điều 3. Đối tượng được miễn học phí

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, gồm:
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

- b. Con của liệt sỹ;
- c. Con của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân;
- d. Con của anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- e. Con của thương binh, con của người hưởng chính sách như thương binh;
- f. Con của bệnh binh;
- g. Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

2. Sinh viên khuyết tật.

3. Sinh viên từ 16 đến 22 tuổi không có nguồn nuôi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

4. Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Sinh viên dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: *Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chít, O Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thèn, La Hủ* (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

7. Sinh viên thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Đối tượng được giảm học phí

1. Đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được giảm 50% học phí: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 5. Đối tượng và mức hỗ trợ chi phí học tập

1. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước, không bao gồm sinh viên thuộc đối tượng: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, chương trình thứ hai, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

2. Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở/người/tháng và thời gian hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên.

Điều 6. Đối tượng và mức hỗ trợ học tập

1. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này.

2. Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng. Thời gian được hưởng hỗ trợ 12 tháng/năm cho năm học có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp năm học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

Chương III
**HỒ SƠ, CƠ CHẾ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC TẬP**

Điều 7. Hồ sơ miễn, giảm học phí

1. Đối tượng tại khoản 1, Điều 3 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng là người có công với cách mạng có con thuộc diện miễn học phí;
 - c. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.
2. Đối tượng tại khoản 2, Điều 3 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc bản sao chứng thực Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội;
 - c. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.
3. Đối tượng tại khoản 3, Điều 3 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội;
 - c. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.
4. Đối tượng tại khoản 4, Điều 3 Quy định này:

Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này).
5. Đối tượng tại khoản 5, Điều 3 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên;
 - c. Bản sao chứng thực giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã cấp);
 - d. Bản sao chứng thực (trong vòng 6 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ) sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú.
6. Đối tượng tại khoản 6, Điều 3 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực (trong vòng 6 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ) sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú;
 - c. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.
7. Đối tượng tại khoản 1, Điều 4 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực (trong vòng 6 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ) sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú;
 - c. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.
8. Đối tượng tại khoản 2, Điều 4 Quy định này:
 - a. Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Mẫu số 01 kèm theo Quy định này);
 - b. Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc minh chứng nhận trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức

bảo hiểm xã hội cấp;

c. Bản sao chứng thực giấy chứng nhận trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp hoặc quyết định trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;

d. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

Điều 8. Hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập

1. Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Mẫu số 02 kèm theo Quy định này);

2. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên;

3. Bản sao chứng thực giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã cấp);

4. Bản sao chứng thực sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú.

Điều 9. Hồ sơ hỗ trợ học tập

1. Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (Mẫu số 03 kèm theo Quy định này);

2. Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên;

3. Bản sao chứng thực sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú.

Điều 10. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ

1. Sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 2 Điều 4 Quy định này chỉ phải làm một (01) bộ hồ sơ nộp một (01) lần cho cả thời gian học tập, nộp hồ sơ trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu khóa học.

2. Sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 3; khoản 1 Điều 4 và Điều 6 Quy định này phải nộp hồ sơ hàng năm trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu năm học.

3. Sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 5, Điều 3 và Điều 5 Quy định này phải nộp hồ sơ hàng kỳ, trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu học kỳ.

4. Sinh viên nộp hồ sơ tại phòng Công tác sinh viên.

Điều 11. Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập

1. Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

2. Trường thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với tín chỉ học tập của học phần sinh viên học ở lần học thứ nhất nhưng không quá 127 tín chỉ học phí cho cả khóa học và được thực hiện từ thời gian Trường tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Quy định này.

3. Trường hỗ trợ phần chênh lệch giữa mức học phí của chương trình đào tạo chuẩn với mức học phí được miễn, giảm theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 11 của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Sinh viên học các chương trình chất lượng cao, chương trình định hướng ứng dụng, chương trình định hướng nghề nghiệp, chương trình tích hợp phải đóng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của từng chương trình đào tạo sinh viên đang theo học so với mức học phí chương trình đào tạo chuẩn tương ứng.

4. Sinh viên đồng thời học tại nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều chương trình học trong Trường thì chỉ được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập tại một cơ sở giáo dục và một chương trình học.

5. Không áp dụng miễn, giảm học phí đối với trường hợp sinh viên đang hưởng

lượng và sinh hoạt phí khi đi học.

6. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập trong thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học tập hoặc buộc thôi học. Trường hợp sinh viên phải dừng học (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng khi quay lại học thì tiếp tục được hưởng chính sách miễn, giảm học phí.

7. Sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập hoặc hỗ trợ học tập mà bị đình chỉ học tập thì thực hiện khấu trừ số tiền được hỗ trợ tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kì học tiếp theo sau khi sinh viên quay trở lại học.

8. Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng chính sách hỗ trợ học tập sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập.

Chương IV

QUY TRÌNH THỰC HIỆN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC TẬP

Điều 12. Quy trình thực hiện

1. Phòng Công tác Sinh viên thông báo thời gian tiếp nhận hồ sơ xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập vào đầu mỗi học kì.

2. Phòng Công tác sinh viên tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ, tổng hợp và chuyển danh sách sinh viên thuộc diện các chế độ chính sách đến Hội đồng xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập.

3. Hội đồng xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập họp xét thông qua danh sách sinh viên được hưởng các chế độ chính sách.

4. Phòng Công tác Sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định chính thức và chuyển danh sách sinh viên được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập đến Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Công nghệ Thông tin, các Khoa/Viện quản lý sinh viên.

5. Phòng Kế hoạch Tài chính phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện việc miễn, giảm học phí cho sinh viên; chuyển tiền hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập vào tài khoản của sinh viên.

Điều 13: Hội đồng xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập

1. Hội đồng xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập do Hiệu trưởng quyết định.

2. Thành phần Hội đồng:

a. Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng

b. Phó chủ tịch: 01 Phó Hiệu trưởng

c. Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Công tác sinh viên

d. Ủy viên thư ký: Chuyên viên Phòng Công tác sinh viên phụ trách về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập

e. Các ủy viên Hội đồng, gồm:

Trưởng các đơn vị: Kế hoạch tài chính, Quản lý đào tạo, Pháp chế - Thanh tra, Trung tâm Công nghệ thông tin;

3. Chức năng của Hội đồng

Hội đồng có trách nhiệm tư vấn giúp Hiệu trưởng về công tác xét để miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên chính quy trình độ đại học của Trường theo quy định hiện hành.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

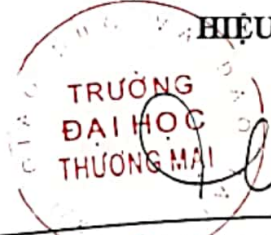

Điều 14: Tổ chức thực hiện

Trường các Khoa/Viện quản lý sinh viên chính quy; Trường các đơn vị thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 15: Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày 15/10/2021, thay thế: Quyết định số 555/QĐ-ĐHTM ngày 28/6/2018 “Quy định về miễn giảm học phí cho sinh viên Trường Đại học Thương mại” và Thông báo số 748a/TB-ĐHTM-CTSV ngày 12/12/2014 về việc “Thực hiện Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT- BGDĐT- BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học”;

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản (qua Phòng Công tác sinh viên) để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG


PGS, TS Nguyễn Hoàng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Kính gửi: Trường Đại học Thương mại

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa/Viện:.....

Mã số sinh viên:..... Số điện thoại:.....

Thuộc đối tượng: (Ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

.....
Đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí (ghi rõ tên cơ sở đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cấp học và trình độ đào tạo):

.....
Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí quy định hiện hành.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Kính gửi: Trường Đại học Thương mại

Họ và tên sinh viên:; Dân tộc:

Ngày, tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Lớp:; Khóa:

Khoa/Viện:.....

Mã sinh viên:SĐT:.....

Thuộc đối tượng (ghi rõ đối tượng được quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ):
.....
.....

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị Nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo quy định.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC TẬP

Kính gửi: Trường Đại học Thương mại

Họ và tên sinh viên:

Hộ khẩu thường trú tại:

Sinh ngày:

Dân tộc:

Hiện đang học tại lớp:

Khóa:.....;Khoa/Viện.....

Trường: Đại học Thương mại.

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết cấp tiền hỗ trợ học tập theo quy định và chế độ hiện hành./.

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN
DÂN CẤP XÃ¹**

Nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày... .. tháng... .. năm... ..

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Trường hợp sinh viên có giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu của gia đình thì nộp giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính) kèm theo đơn, không cần xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.